

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 629/2025/DS-PT
Ngày 17-12-2025
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lương

Các Thẩm phán:

Bà Lê Thị Thu Hương

Bà Đặng Duy Mỹ Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tấn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 319/2025/TLPT-DS ngày 01/10/2025 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2025/DS-ST ngày 30/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 546/2025/QĐ-PT ngày 30/10/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lý C, sinh năm 1973

Địa chỉ: Ấp V, xã V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Trương Phạm Công B, sinh năm 1996

Địa chỉ: Ấp P, xã P, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trương Văn T - Đoàn Luật sư tỉnh V.

- *Bị đơn:* Ông Bùi Văn M, sinh năm 1956

Địa chỉ: Ấp V, xã V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Võ Thị G, sinh năm 1973

Địa chỉ: Ấp V, xã V, tỉnh Vĩnh Long.

2. Ông Nguyễn Minh M1, sinh năm 1981

Địa chỉ: Ấp P, xã V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị G và ông Nguyễn Minh M1: Anh Trương Phạm Công B, sinh năm 1996

Địa chỉ: Ấp P, xã P, tỉnh Vĩnh Long.

3. Bà Huỳnh Thị Trang Diễm H, sinh năm 1985

Địa chỉ: Ấp P, xã V, tỉnh Vĩnh Long.

4. Ông Bùi Sơn V, sinh năm 1978

Địa chỉ: Ấp V, xã V, tỉnh Vĩnh Long.

5. Bà Ngô Thị Út N, sinh năm 1960

Địa chỉ: Ấp V, xã V, tỉnh Vĩnh Long.

6. Bà Bùi Thị Ngọc T1, sinh năm 1972

Địa chỉ: Ấp T, phường T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người kháng cáo: Bị đơn ông Bùi Văn M.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Lý C và trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Phần đất tranh chấp thuộc thửa 734, tờ bản đồ số 3A, tọa lạc xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã V, tỉnh Vĩnh Long) có nguồn gốc do ông Lý C, bà Võ Thị G, ông Nguyễn Minh M1, bà Huỳnh Thị Trang D H nhận chuyển nhượng của bà Bùi Thị Ngọc T1 và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 17 tháng 6 năm 2010. Đến ngày 10 tháng 12 năm 2015, giữa ông Lý C, bà Võ Thị G, ông Nguyễn Minh M1, bà Huỳnh Thị Trang Diễm H có thỏa thuận phân chia tài sản chung đối với phần đất nêu trên, theo đó ông M1 và bà H giao toàn bộ quyền sử dụng đất của ông bà cho ông Lý C và bà Võ Thị G, ông M1 và bà H không còn quyền sử dụng đối với phần đất này.

Năm 2020, ông Bùi Văn M, ông Bùi Sơn V và bà Ngô Thị Út N tự ý đặt các cây trồng lên phần đất của ông C và chiếm giữ một phần thửa đất 734, ông C đã nhiều lần yêu cầu gia đình ông M phải di dời các cây trồng ra khỏi phần đất nhưng gia đình ông M không thực hiện.

Căn cứ vào tờ thỏa thuận giữa bà Bùi Thị Ngọc T1 với ông Lý C đề ngày 12 tháng 5 năm 2010 và các giấy xác nhận chuyển quyền sử dụng đất ngày 14 tháng 5 năm 2010, ngày 27 tháng 5 năm 2010 thì bà T1 đã xác định chuyển nhượng toàn bộ thửa đất 734 cho ông Lý C, trong đó có phần đất đang tranh chấp với gia đình ông M. Tờ thỏa thuận do ông M cung cấp chỉ thể hiện việc ông M có chứng kiến việc bà T1 chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông C, không phải bà T1 giao đất cho ông M quản lý. Đồng thời, sau khi lập tờ thỏa thuận này thì bà T1 đã thỏa thuận lại với ông C về việc chuyển nhượng toàn bộ thửa đất 734, vị trí tiếp giáp lộ công cộng cho ông C nên tờ thỏa thuận do ông M cung cấp đã không còn giá trị.

Do đó, ông C yêu cầu ông Bùi Văn M, bà Ngô Thị Út N và ông Bùi Sơn V phải di dời các cây trồng (gồm 09 cây xanh và 13 cây xoài như kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án) ra khỏi phần đất tranh chấp để trả lại cho ông Lý C diện tích đất 173,3m² thuộc một phần thửa 734, tờ bản đồ số 3A (nay là thửa 208, tờ bản đồ số 9) và diện tích 12,1m² thuộc thửa 734, tờ bản đồ số 3A (nay là thửa 202, tờ bản đồ số 9), tọa lạc tại xã V, tỉnh Vĩnh Long. Ông Lý C không đồng ý bồi thường, hỗ trợ di dời cây trồng. Ông Lý C được toàn quyền khởi kiện đối với gia đình ông M. Bà Võ Thị G là vợ ông C thống nhất như ý kiến của ông C, bà G không khởi kiện.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn ông Bùi Văn M trình bày:

Phần đất ông Lý C tranh chấp với ông là của bà Bùi Thị Ngọc T1, bà T1 giao cho gia đình ông quản lý. Khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Lý C, bà T1 không có chuyển nhượng phần đất đang tranh chấp, việc này được thể hiện tại tờ thỏa thuận đề ngày 20 tháng 5 năm 2010. Phần đất này, gia đình ông chỉ quản lý cho bà T1, không thuộc quyền sử dụng của gia đình ông. Ông không đồng ý trả lại đất theo yêu cầu của ông Lý C, nếu ông C có yêu cầu gì thì liên hệ với bà T1 để giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Sơn V trình bày:

Ông thống nhất như lời trình bày của ông Bùi Văn M, theo tờ thỏa thuận đề ngày 25 tháng 5 năm 2010 thì bà Bùi Thị Ngọc T1 giao phần đất này cho gia đình ông quản lý nên không đồng ý trả lại đất theo yêu cầu của ông Lý C. Ông Bùi Văn M và bà Ngô Thị Út N là cha mẹ của ông. Trước đây bà N có ủy quyền cho chị Bùi Thị Mai P nhưng chị P đã chết vào năm 2024. Trên đất có 09 cây xanh và 13 cây xoài như kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ là cây trồng của ông Bùi Văn M, bà Ngô Thị Út N và ông. Ông không đồng ý trả lại đất theo yêu cầu của ông C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Trang Diễm H, bà Ngô Thị Út N, bà Bùi Thị Ngọc T1 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2025/DS-ST ngày 30/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long đã áp dụng khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 166, 169 Bộ luật Dân sự; các Điều 26, 236 Luật Đất đai; các Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Bùi Văn M, bà Ngô Thị Út N, ông Bùi Sơn V phải di dời các cây trồng gồm 09 cây xanh và 13 cây xoài ra khỏi phần đất tranh chấp để hoàn trả cho

ông Lý Châu P1 đất có diện tích 173,3m² thuộc thửa 208 tách và diện tích 12,1m² thuộc thửa 202 tách, cùng tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại xã V, tỉnh Vĩnh Long (có họa đồ thửa đất kèm theo).

Buộc ông Lý C phải bồi thường chi phí di dời cây trồng cho ông Bùi Văn M, bà Ngô Thị Út N, ông Bùi Sơn V số tiền 1.540.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 20/8/2025, bị đơn ông Bùi Văn M kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm vì việc tranh chấp quyền sử dụng đất là giữa ông C với bà T1, không phải tranh chấp với ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo, ông M trình bày: Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất là giữa bà T1 với ông C, ông chỉ là người chứng kiến nên không liên quan. Sau khi nhận đất, ông C rào phần đất mà ông nhận chuyển nhượng và sử dụng đất trong hàng rào. Phần còn lại ngoài hàng rào là của bà T1, bà T1 cho ông V quản lý, sử dụng để đặt các cây trên đất. Trước đây, phần đất tranh chấp có hiện trạng là con mương, sau khi làm lộ thì mới có mặt bằng như hiện nay. Từ đó, các bên mới phát sinh tranh chấp, trước đây ông C hoàn toàn không có tranh chấp. Ông xác định ông không có liên quan đến phần đất tranh chấp nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của ông.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Trong quá trình tố tụng, ông M không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong khi gia đình ông M là người đang quản lý, sử dụng đất nên kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm của ông M là không có căn cứ. Đối với phần đất tranh chấp, bà T1 đã có văn bản xác định không có nhu cầu sử dụng nên chuyển nhượng cho ông C ngày 27/5/2010. Việc ông M làm hàng rào không hết phần đất mà ông nhận chuyển nhượng là vì trước đây trên đất có con mương nên ông M rào tới mé mương, sau này làm lộ mới có mặt bằng, ông V mới để cây trên đây. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T1 trình bày: Phần đất mà bà chuyển nhượng cho ông C là từ mé mương trở vào, phần còn lại từ mé mương trở ra là của bà.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Riêng những đương sự vắng mặt lần thứ hai dù được Tòa án triệu tập hợp lệ là không thực hiện đúng nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung: Kháng cáo của ông M là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Văn M, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 09/2025/DS-ST ngày 30/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của ông Bùi Văn M; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Trương Phạm Công B có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; bà Huỳnh Thị Trang Diễm H, bà Ngô Thị Út N được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, cấp phúc thẩm giải quyết vắng mặt ông B, bà H, bà N.

[2] Về nội dung:

[2.1] Phần đất tranh chấp qua đo đạc thực tế có diện tích 185,4m² gồm các phần có ký hiệu 208 tách diện tích 173,3m² và ký hiệu 202 tách diện tích 12,1m² thuộc một phần các thửa 202, 208 cùng tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại xã V, tỉnh Vĩnh Long. Các phần đất này thuộc thửa gốc 734 tờ bản đồ số 3A đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Lý C đại diện nhóm người (ông C, bà G, ông M1, bà H) cùng sử dụng đất theo giấy cam kết về việc cử người đại diện ghi tên. Hiện nay, bị đơn ông M và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Út N, ông V đang quản lý, sử dụng đất.

Nguyên đơn căn cứ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các giấy thỏa thuận với bà T1 cho rằng phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông nên khởi kiện yêu cầu bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả lại quyền sử dụng đất. Trong khi đó, ông M, ông V, bà N cho rằng phần đất tranh chấp là của bà T1, các ông bà chỉ quản lý đất hộ bà T1 nên không đồng ý trả lại, nguyên đơn liên hệ với bà T1 để giải quyết.

[2.2] Phần đất đang tranh chấp ông Lý C cùng các đồng sử dụng là bà Võ Thị G, ông Nguyễn Minh M1, bà Huỳnh Thị Trang Diễm H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 17 tháng 6 năm 2010. Đến ngày 10 tháng 12 năm 2015, ông M1 và bà H cùng ông C và bà G đã lập văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung, nội dung ông C và bà G được quyền sử dụng toàn bộ phần đất tranh chấp, trong quá trình giải quyết vụ án bà H không có ý kiến gì về vấn đề này, ông M1 và bà G thống nhất như ý kiến của ông C. Như vậy, về mặt pháp lý có căn cứ xác định ông C là người sử dụng đất hợp pháp đối với phần đất tranh chấp và có quyền khởi kiện khi xác định quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm.

[2.3] Về nguồn gốc phần đất tranh chấp các đương sự đều thống nhất là của bà Bùi Thị Ngọc T1, nguyên đơn cho rằng khi bà T1 chuyển nhượng đất thì chuyển nhượng toàn bộ thửa đất đến giáp lộ công cộng, không có để lại phần đất là phần tranh chấp hiện nay do ông M, bà N và ông V quản lý. Ông M và ông V lại cho rằng khi chuyển nhượng cho ông C thì bà T1 đã để lại phần này và để cho gia đình ông M quản lý, thể hiện tại tờ thỏa thuận đề ngày 20 tháng 5 năm 2010.

Chứng cứ ông C giao nộp là giấy xác nhận đề ngày 12 tháng 5 năm 2010, giấy chuyển quyền sử dụng đất đề ngày 14 tháng 5 năm 2010, giấy chuyển quyền sử dụng đất đề ngày 27 tháng 5 năm 2010 thể hiện bà T1 chuyển nhượng toàn bộ thửa đất 734 cho nguyên đơn và vị trí phần đất đến giáp lộ trong đó có cả phần đất tranh chấp,

không có để lại phần đất nào. Giấy chuyển quyền sử dụng đất đề ngày 27 tháng 5 năm 2010 là văn bản được bà T1 lập sau tờ thỏa thuận đề ngày 20 tháng 5 năm 2010 do bị đơn cung cấp đã thể hiện nội dung phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn là nhận chuyển nhượng toàn bộ thửa đất, đối với tờ thỏa thuận bị đơn cung cấp không có nội dung nào thể hiện bà T1 giao cho gia đình ông M quản lý phần đất đang tranh chấp. Sau khi xét xử sơ thẩm, bà T1 cũng không có kháng cáo đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lý C. Do đó, có căn cứ xác định phần đất tranh chấp có diện tích tổng cộng là 185,4m² thuộc quyền sử dụng của nguyên đơn. Việc ông M, bà N và ông V chiếm giữ, quản lý không được sự đồng ý của nguyên đơn là trái quy định của pháp luật nên phải trả lại phần đất cho nguyên đơn.

[2.4] Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và lời trình bày của các đương sự thì trên phần đất tranh chấp có 09 cây xanh và 13 cây xoài của ông M, bà N và ông V. Các cây trồng này có thể di dời được nên buộc ông M, bà N và ông V phải di dời các cây trồng nêu trên để trả lại đất cho nguyên đơn, đồng thời buộc nguyên đơn phải bồi thường chi phí di dời theo kết quả định giá là 1.540.000 đồng.

Từ những nhận định trên, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp, bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu của mình nên không được chấp nhận.

[3] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Bùi Văn M phải chịu án phí theo quy định. Tuy nhiên, ông M là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Văn M;

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 09/2025/DS-ST ngày 30/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long.

Áp dụng khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 166, 169 Bộ luật Dân sự; các Điều 26, 236 Luật Đất đai; các Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lý C.

Buộc ông Bùi Văn M, bà Ngô Thị Út N, ông Bùi Sơn V phải di dời các cây trồng gồm 09 cây xanh và 13 cây xoài ra khỏi phần đất tranh chấp để hoàn trả cho

ông Lý Châu P1 đất có diện tích 173,3m² thuộc phần có ký hiệu 208 tách và diện tích 12,1m² thuộc phần có ký hiệu 202 tách, cùng tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại xã V, tỉnh Vĩnh Long (có họa đồ thửa đất kèm theo).

Buộc ông Lý C phải bồi thường chi phí di dời cây trồng cho ông Bùi Văn M, bà Ngô Thị Út N, ông Bùi Sơn V số tiền 1.540.000 (Một triệu năm trăm bốn mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[2] Các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (nếu có yêu cầu).

[3] Về chi phí tố tụng: Buộc ông Bùi Văn M, bà Ngô Thị Út N và ông Bùi Sơn V phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng với số tiền 6.098.100 (Sáu triệu không trăm chín mươi tám nghìn một trăm) đồng. Do ông Lý C đã nộp tạm ứng số tiền trên nên buộc ông Bùi Văn M, bà Ngô Thị Út N và ông Bùi Sơn V phải liên đới hoàn trả cho ông Lý C số tiền 6.098.100 (Sáu triệu không trăm chín mươi tám nghìn một trăm) đồng.

[4] Về án phí:

[4.1] Án phí sơ thẩm:

Buộc ông Bùi Văn M, bà Ngô Thị Út N, ông Bùi Sơn V phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Buộc ông Lý C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu án phí, lệ phí Tòa án số: 0001227 ngày 25 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 - Vĩnh Long) nên ông Lý C không phải nộp thêm.

Hoàn trả cho ông Lý C số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003286 ngày 21 tháng 8 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 - Vĩnh Long).

[4.2] Án phí phúc thẩm: Ông Bùi Văn M được miễn.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND khu vực 6 - Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 6 - Vĩnh Long;
- Phòng GDKT, TT&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Lương